



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 81 + 82

Ngày 01 tháng 8 năm 2017

MỤC LỤC

Trang

PHÂN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

- 20-6-2017- Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận 6. 3

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

- 17-5-2017- Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận Bình Thạnh. 14

- 28-6-2017- Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp quận Bình Thạnh. 24

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- 16-6-2017- Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh. 36

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ

- 16-6-2017- Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra huyện Nhà Bè. 38

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 06-6-2017- Quyết định số 2914/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch tuyên truyền, kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN năm 2017. 49
- 08-6-2017- Quyết định số 2960/QĐ-UBND về duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu 1, quận Tân Phú (tại ô phố có ký hiệu I/133, II/51, một phần đất giao thông và cây xanh cách ly). 61
- 08-6-2017- Quyết định số 2961/QĐ-UBND về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của quận 9. 66
- 20-6-2017- Quyết định số 3183/QĐ-UBND về ban hành tiêu chuẩn “Xã đạt chuẩn văn hóa - văn minh đô thị” giai đoạn 2017 - 2021. 75
- 04-7-2017- Quyết định số 3483/QĐ-UBND phê duyệt Đề án “Nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế trong kinh doanh bán lẻ xăng, dầu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”. 81

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2017/QĐ-UBND

Quận 6, ngày 20 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận 6

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2014/TTLT-TTCP-BNV ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Thanh tra Chính phủ - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận - huyện;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra quận 6 tại Tờ trình số 01/TTr-TTr ngày 16 tháng 6 năm 2017; ý kiến thẩm định về nội dung của Trưởng phòng Nội vụ quận 6 tại Công văn số 215/NV ngày 28 tháng 4 năm 2017 và Báo cáo thẩm định của Trưởng phòng Tư pháp quận 6 tại Công văn số 476/TP ngày 04 tháng 5 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận 6.

Điều 2.Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2017. Quyết định này thay thế Quyết định số 20/2009/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 6 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận 6, Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân quận 6 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận 6.

Điều 3.Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 6, Trưởng phòng Nội vụ quận 6, Trưởng phòng Tư pháp quận 6, Chánh Thanh tra quận 6, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Ngô Thành Luông

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận 6

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND

Ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân quận 6)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí

Thanh tra quận 6 là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 6.

Thanh tra quận 6 có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận 6 mà trực tiếp là Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6; đồng thời chịu sự chỉ đạo về công tác, hướng dẫn về nghiệp vụ của Thanh tra thành phố.

2. Chức năng

Thanh tra quận 6 có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận 6 thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân quận 6; tiến hành thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Thanh tra quận 6 thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng và các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân quận 6 ban hành quyết định, chỉ thị về công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm và các chương trình, kế hoạch khác theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch sau khi được Ủy ban nhân dân quận 6 hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 phê duyệt.

4. Thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng cho cán bộ, công chức 14 phường.

5. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 6 trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

6. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6 hướng dẫn nghiệp vụ công tác cho Ban Thanh tra nhân dân 14 phường.

7. Về thanh tra:

a) Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân 14 phường, của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 6;

b) Thanh tra vụ việc phức tạp có liên quan đến trách nhiệm của nhiều Ủy ban nhân dân phường, nhiều cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 6 và các cơ quan, đơn vị khác theo kế hoạch được duyệt hoặc đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

c) Thanh tra vụ việc khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 giao;

d) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra quận 6 và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6.

8. Về giải quyết khiếu nại, tố cáo:

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân 14 phường và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận 6 thực hiện việc tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo;

b) Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận 6 trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; kiến nghị các biện pháp tăng cường công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý của Chủ tịch Ủy

ban nhân dân quận 6;

c) Xác minh, kết luận và kiến nghị việc giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 khi được giao;

d) Xem xét, kết luận việc giải quyết tố cáo mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường và Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 6 đã giải quyết nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo có vi phạm pháp luật thì kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 xem xét, giải quyết lại theo quy định;

đ) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý tố cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6;

e) Tiếp nhận, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo; giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

9. Về phòng, chống tham nhũng:

a) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng của Ủy ban nhân dân 14 phường và các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận 6;

b) Phối hợp với cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong việc phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận, quyết định của mình trong quá trình thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử vụ việc tham nhũng;

c) Tiến hành xác minh kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; tổng hợp kết quả kê khai, công khai, xác minh, kết luận, xử lý vi phạm về minh bạch tài sản, thu nhập trong phạm vi địa phương mình; định kỳ báo cáo kết quả về Thanh tra thành phố;

d) Kiểm tra, giám sát nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi tham nhũng trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

10. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng được thực hiện quyền hạn của Thanh tra quận 6 theo quy định của pháp luật; được yêu cầu cơ quan, đơn vị có liên quan cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các Đoàn thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống

tham nhũng.

11. Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra quận 6.

12. Tổng hợp, thông tin, báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của Ủy ban nhân dân quận 6 và Thanh tra thành phố.

13. Quản lý biên chế, công chức, thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra quận 6 theo quy định của pháp luật và theo phân cấp quản lý cán bộ của Ủy ban nhân dân quận 6; việc điều động, luân chuyển công chức có ngạch từ Thanh tra viên trở lên của Thanh tra quận 6 phải trao đổi và thống nhất với Chánh Thanh tra thành phố.

Thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác thanh tra của công chức trong Thanh tra quận 6 nhằm chủ động phòng ngừa tham nhũng. Nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ).

Thực hiện định kỳ chuyển đổi các vị trí công tác không phải công tác thanh tra của công chức trong Thanh tra quận 6 thực hiện theo hướng dẫn của các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý nhà nước chuyên ngành có thẩm quyền ban hành quy định chi tiết danh mục các vị trí công tác phải định kỳ chuyển đổi.

14. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân quận 6.

15. Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân quận 6 giao và theo quy định của pháp luật.

Chương II

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Tổ chức bộ máy

Thanh tra quận 6 có Chánh Thanh tra, không quá 02 Phó Chánh Thanh tra,

Thanh tra viên và các công chức khác.

1. Chánh Thanh tra là người đứng đầu cơ quan Thanh tra quận 6, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6, đồng thời chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra thành phố về thực hiện các mặt công tác chuyên môn và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Thanh tra.

Chánh Thanh tra có quyền:

- Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 về quyết định của mình;

- Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ những quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra;

- Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 giải quyết vấn đề về công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp thuận thì báo cáo Chánh Thanh tra thành phố;

- Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra; yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức khác xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Chánh Thanh tra do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra thành phố.

Việc miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 quyết định theo quy định của pháp luật sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra thành phố.

2. Phó Chánh Thanh tra là người giúp Chánh Thanh tra phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Chánh Thanh tra vắng mặt một Phó Chánh Thanh tra được Chánh Thanh tra ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Thanh tra.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Phó Chánh Thanh tra do Chủ tịch Ủy ban nhân dân

quận 6 quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành, theo đề nghị của Chánh Thanh tra quận 6 và sau khi có ý kiến thống nhất với Chánh Thanh tra thành phố.

Việc miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh Thanh tra do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 quyết định theo quy định của pháp luật, theo đề nghị của Chánh Thanh tra quận 6 và sau khi có ý kiến thống nhất với Chánh Thanh tra thành phố.

3. Việc khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với Chánh Thanh tra và Phó Chánh Thanh tra thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Biên chế

Biên chế công chức của Thanh tra quận 6 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 quyết định trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của Quận 6 được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho Ủy ban nhân dân quận 6 hàng năm.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Thanh tra quận 6 xây dựng kế hoạch biên chế công chức theo quy định của pháp luật bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

Chương III

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Chánh Thanh tra quận 6 phụ trách, điều hành các hoạt động của Thanh tra và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Chánh Thanh tra phụ trách những lĩnh vực công tác được Chánh Thanh tra phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh, báo cáo Chánh Thanh tra thông qua họp giao ban hoặc đột xuất khi cần thiết.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Chánh Thanh tra khác, Phó Chánh Thanh tra chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Chánh Thanh tra quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Chánh Thanh tra khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Chánh Thanh tra trực tiếp yêu cầu Thanh tra viên hoặc chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Chánh Thanh tra, yêu cầu đó được thực hiện nhưng Thanh tra viên hoặc chuyên viên đó phải báo cáo cho Phó Chánh Thanh tra trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt, hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Thanh tra quận 6 họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Thanh tra quận 6, các Phó Chánh Thanh tra họp với công chức được phân công phụ trách các công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Căn cứ vào chương trình công tác hàng năm, hàng tháng của Ủy ban nhân dân quận 6 và yêu cầu giải quyết công việc, Chánh Thanh tra tổ chức họp toàn thể thanh tra viên, công chức một lần trong tháng.

Các cuộc họp bất thường trong tháng chỉ được tổ chức để giải quyết những công việc đột xuất, khẩn cấp.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Thanh tra trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Thanh tra chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Thanh tra.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Thanh tra thành phố

Thanh tra quận 6 chịu sự hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra thành phố, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Chánh Thanh tra thành phố.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận 6

Thanh tra quận 6 chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận 6 về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của mình, Chánh Thanh tra quận 6 trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 và phải báo cáo với Ủy ban nhân dân quận 6 về những mặt công tác

đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Ủy ban nhân dân quận 6 về nội dung công tác của Thanh tra và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 6

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận 6, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận 6. Trong trường hợp Thanh tra quận 6 chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Chánh Thanh tra quận 6 tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận 6

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 6, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam 14 phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận 6 có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Thanh tra, Chánh Thanh tra có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận 6 giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

5. Đối với Ủy ban nhân dân 14 phường

a) Phối hợp, hướng dẫn và kiểm tra đôn đốc Ủy ban nhân dân 14 phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra;

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân 14 phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Thanh tra quận 6 quản lý.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 8. Căn cứ Quy chế này, Chánh Thanh tra quận 6 có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Thanh tra phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với quy định tại Luật Thanh tra năm 2010, Nghị định số 97/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2011 quy định về Thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra và nội dung Quy

chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 quyết định để thi hành.

Điều 9. Chánh Thanh tra và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận 6 có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 ký quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Ngô Thành Luông

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2017/QĐ-UBND

Bình Thạnh, ngày 17 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Thanh tra quận Bình Thạnh.****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2014/TTLT-TTCP-BNV ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Thanh tra Chính phủ và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2017 của Ủy

ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 5851/2008/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về việc thành lập Thanh tra quận Bình Thạnh;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra quận Bình Thạnh tại Tờ trình số 163/TTr-TTr ngày 17 tháng 4 năm 2017 và của Trưởng phòng Nội vụ tại Tờ trình số 421 /TTr-NV ngày 09 tháng 5 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận Bình Thạnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2017. Quyết định này thay thế Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận Bình Thạnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Nội vụ, Chánh Thanh tra quận, các Thủ trưởng phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân quận, các Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Song Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận Bình Thạnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND

Ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí

Thanh tra quận là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận.

Thanh tra quận có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận mà trực tiếp là Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; đồng thời chịu sự chỉ đạo về công tác, hướng dẫn về nghiệp vụ của Thanh tra thành phố.

2. Chức năng

Thanh tra quận tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân quận; tiến hành thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Thanh tra quận thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng và các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân quận ban hành quyết định, chỉ thị về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm và các chương trình, kế hoạch khác theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch sau khi được Ủy ban nhân dân quận hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt.

4. Thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng cho cán bộ, công chức phường.

5. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

6. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận hướng dẫn nghiệp vụ công tác cho các Ban Thanh tra nhân dân phường.

7. Về thanh tra:

a) Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân phường, của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận;

b) Thanh tra vụ việc phức tạp có liên quan đến trách nhiệm của nhiều Ủy ban nhân dân phường, nhiều cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận và các cơ quan, đơn vị khác theo kế hoạch được duyệt hoặc đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

c) Thanh tra vụ việc khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giao;

d) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra quận và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

8. Về giải quyết khiếu nại, tố cáo:

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân phường và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận thực hiện việc tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo;

b) Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; kiến nghị các biện pháp tăng cường công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận;

c) Xác minh, kết luận và kiến nghị việc giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận khi được giao;

d) Xem xét, kết luận việc giải quyết tố cáo mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường và Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận đã giải quyết nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo có vi phạm pháp luật thì kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết lại theo quy định;

đ) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý tố cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận;

e) Tiếp nhận, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo; giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

9. Về phòng, chống tham nhũng:

a) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng của Ủy ban nhân dân phường và các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận;

b) Phối hợp với cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong việc phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận, quyết định của mình trong quá trình thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử vụ việc tham nhũng;

c) Tiến hành xác minh kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; tổng hợp kết quả kê khai, công khai, xác minh, kết luận, xử lý vi phạm về minh bạch tài sản, thu nhập trong phạm vi địa phương mình; định kỳ báo cáo kết quả về Thanh tra Thành phố;

d) Kiểm tra, giám sát nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi tham nhũng trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

10. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng được thực hiện quyền hạn của Thanh tra quận theo quy định của pháp luật; được yêu cầu cơ quan, đơn vị có liên quan cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các Đoàn thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng.

11. Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra quận.

12. Tổng hợp, thông tin, báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của Ủy ban nhân dân quận và Thanh tra Thành phố.

13. Quản lý biên chế, công chức, thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra quận theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân quận; việc thực hiện điều động, luân chuyển Thanh tra viên của Thanh tra quận phải có ý kiến của Chánh Thanh tra thành phố.

Thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác thanh tra của công chức trong Thanh tra quận nhằm chủ động phòng ngừa tham nhũng. Nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ).

Thực hiện định kỳ chuyển đổi các vị trí công tác không phải công tác thanh tra của công chức trong Thanh tra quận thực hiện theo hướng dẫn của các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý nhà nước chuyên ngành có thẩm quyền ban hành quy định chi tiết danh mục các vị trí công tác phải định kỳ chuyển đổi.

14. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

15. Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân quận giao và theo quy định của pháp luật.

Chương II

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Tổ chức bộ máy

Thanh tra quận có Chánh Thanh tra, không quá 02 Phó Chánh Thanh tra, Thanh tra viên và các công chức khác.

1. Chánh Thanh tra là người đứng đầu cơ quan Thanh tra quận, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, đồng thời chịu trách nhiệm

trước Chánh Thanh tra thành phố về thực hiện các mặt công tác chuyên môn và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Thanh tra.

Chánh Thanh tra có quyền:

- Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về quyết định của mình;

- Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ những quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra;

- Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giải quyết vấn đề về công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp thuận thì báo cáo Chánh Thanh tra thành phố;

- Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra; yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức khác xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Chánh Thanh tra do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra thành phố.

Việc miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra thành phố.

2. Phó Chánh Thanh tra là người giúp Chánh Thanh tra phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Chánh Thanh tra vắng mặt, một Phó Chánh Thanh tra được Chánh Thanh tra ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Thanh tra.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Phó Chánh Thanh tra do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành, theo đề nghị của Chánh Thanh tra và sau khi có ý kiến thống nhất với Chánh Thanh tra thành phố.

Việc miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh Thanh tra do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật, theo đề nghị của Chánh Thanh tra quận và sau khi có ý kiến thống nhất với Chánh Thanh tra thành phố.

3. Việc khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với Chánh Thanh tra và Phó Chánh Thanh tra thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Biên chế

Biên chế công chức của Thanh tra quận do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của quận được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho Ủy ban nhân dân quận hàng năm.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Thanh tra quận xây dựng kế hoạch biên chế công chức theo quy định của pháp luật bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

Chương III

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Chánh Thanh tra quận phụ trách, điều hành các hoạt động của Thanh tra và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Chánh Thanh tra phụ trách những lĩnh vực công tác được Chánh Thanh tra phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh, báo cáo Chánh Thanh tra thông qua họp giao ban hoặc đột xuất khi cần thiết.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Chánh Thanh tra khác, Phó Chánh Thanh tra chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Chánh Thanh tra quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Chánh Thanh tra khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Chánh Thanh tra trực tiếp yêu cầu Thanh tra viên hoặc chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Chánh Thanh tra, yêu cầu đó được thực hiện nhưng Thanh tra viên hoặc chuyên viên đó phải báo cáo cho Phó Chánh Thanh tra trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt, hội họp

1. Hàng tuần, toàn thể lãnh đạo, Thanh tra viên và công chức Thanh tra quận họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, phổ biến, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

Các cuộc họp bất thường trong tháng chỉ được tổ chức để giải quyết những công việc đột xuất, khẩn cấp.

2. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Thanh tra trực tiếp phê duyệt.

3. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Thanh tra chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Thanh tra.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Thanh tra thành phố:

Thanh tra quận chịu sự hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra thành phố, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Chánh Thanh tra thành phố.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Thanh tra quận chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của mình, Chánh Thanh tra quận trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và phải báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Thanh tra và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận. Trong trường hợp Thanh tra quận chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Chánh Thanh tra quận tập hợp các ý kiến

và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Thanh tra, Chánh Thanh tra có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

5. Đối với các Ủy ban nhân dân phường:

a) Phối hợp, hướng dẫn và kiểm tra, đôn đốc các Ủy ban nhân dân phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra;

b) Hướng dẫn các phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Thanh tra quận quản lý.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Căn cứ Quy chế này, các Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, các cơ quan, tổ chức có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp với Thanh tra quận tổ chức quán triệt, chấp hành thực hiện Quy chế này.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung

Chánh Thanh tra và các Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hoàng Song Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:03/2017/QĐ-UBND

Bình Thạnh, ngày 28 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động
của Phòng Tư pháp quận Bình Thạnh

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận;

Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 574/TTr-NV ngày 21 tháng

6 năm 2017 và ý kiến thẩm định của Trưởng Phòng Tư pháp tại Báo cáo số 19/BC-TP ngày 21 tháng 4 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp quận Bình Thạnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 7 năm 2017

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Tư pháp, Thủ trưởng các phòng, ban đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, các Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Song Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp quận Bình Thạnh
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2017
của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh)*

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí:

Phòng Tư pháp là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh; có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức và công tác của Ủy ban nhân dân quận, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Tư pháp.

2. Chức năng:

Phòng Tư pháp quận thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý nhà nước về: Công tác xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; kiểm soát thủ tục hành chính; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; nuôi con nuôi; hộ tịch; chứng thực; bồi thường nhà nước; trợ giúp pháp lý; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân quận ban hành quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế

hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm về lĩnh vực tư pháp; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, cải cách tư pháp, xây dựng, hoàn thiện pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận trong lĩnh vực tư pháp.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận dự thảo các văn bản về lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch trong lĩnh vực tư pháp sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ về công tác tư pháp của các Ủy ban nhân dân phường theo quy định pháp luật.

5. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:

a) Phối hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân quận do các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận chủ trì xây dựng.

b) Thẩm định dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận; góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân quận theo quy định của pháp luật.

c) Tổ chức lấy ý kiến nhân dân về các dự án luật, pháp lệnh theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận và hướng dẫn của Sở Tư pháp.

6. Công tác tư vấn pháp luật:

a) Thực hiện tư vấn pháp luật theo chỉ đạo của Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận.

b) Thực hiện tư vấn pháp luật theo đề nghị của các phòng, ban, Ủy ban nhân dân phường đối với những vụ việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền giải quyết của Phòng Tư pháp.

7. Công tác theo dõi thi hành pháp luật:

a) Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân quận ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn.

b) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận và công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương.

c) Tổng hợp, đề xuất với Ủy ban nhân dân quận về việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

d) Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực tư pháp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân quận.

8. Công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật:

a) Giúp Ủy ban nhân dân quận tự kiểm tra văn bản do Ủy ban nhân dân quận ban hành; hướng dẫn công chức chuyên môn của Ủy ban nhân dân phường thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân phường ban hành.

b) Thực hiện kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường theo quy định của pháp luật; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định các biện pháp xử lý văn bản trái pháp luật theo quy định của pháp luật.

9. Tổ chức triển khai thực hiện việc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận theo quy định của pháp luật; đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa chung của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận và của Ủy ban nhân dân phường.

10. Công tác kiểm soát thủ tục hành chính:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận, hướng dẫn của cơ quan tư pháp cấp trên và theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.

b) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo, tổ chức thực hiện rà soát, đánh giá thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn quận để kiến nghị, đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, bãi bỏ.

c) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện niêm yết công khai thủ tục hành chính, báo cáo tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính của cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường.

11. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân quận ban hành chương trình, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật và tổ chức thực hiện sau khi chương trình, kế hoạch được ban hành.

b) Theo dõi, hướng dẫn và kiểm tra công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại địa phương; đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, cơ quan, tổ chức có liên quan và Ủy ban nhân dân phường trong việc tổ chức Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên địa bàn.

c) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật quận.

d) Xây dựng, quản lý đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật theo quy định của pháp luật.

đ) Hướng dẫn việc xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật ở phường và ở các cơ quan, đơn vị khác trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

e) Tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

12. Thẩm định dự thảo quy ước của khu phố trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt.

13. Giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện nhiệm vụ về xây dựng phường tiếp cận pháp luật theo quy định.

14. Công tác quản lý và đăng ký hộ tịch:

a) Chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức thực hiện công tác đăng ký và quản lý hộ tịch trên địa bàn; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và đăng ký hộ tịch cho công chức tư pháp - hộ tịch phường.

b) Giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật; đề nghị Ủy ban nhân dân quận quyết định việc thu hồi, hủy bỏ những giấy tờ hộ tịch do Ủy ban nhân dân phường cấp trái với quy định của pháp luật (trừ trường hợp kết hôn trái pháp luật).

c) Quản lý, cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và cấp bản sao trích lục hộ tịch theo quy định.

d) Quản lý, sử dụng Sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch; lưu trữ Sổ hộ tịch, hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định pháp luật.

15. Thực hiện nhiệm vụ quản lý về nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật.

16. Công tác chứng thực:

a) Hướng dẫn, kiểm tra về nghiệp vụ cho công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường trong việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản

chính, chứng thực chữ ký.

b) Thực hiện cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.

c) Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản.

17. Công tác bồi thường nhà nước:

a) Đề xuất, trình Ủy ban nhân dân quận xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong trường hợp người bị thiệt hại yêu cầu hoặc chưa có sự thống nhất về việc xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân phường thực hiện việc giải quyết bồi thường;

c) Cung cấp thông tin, hướng dẫn thủ tục hỗ trợ người bị thiệt hại thực hiện quyền yêu cầu bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính.

d) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc giải quyết bồi thường, chi trả tiền bồi thường và thực hiện trách nhiệm hoàn trả theo quy định của pháp luật đối với trường hợp Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm giải quyết bồi thường.

18. Thực hiện nhiệm vụ trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật.

19. Quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính:

a) Giúp Ủy ban nhân dân quận theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân quận đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, xử lý các quy định xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn với nhau.

c) Hướng dẫn nghiệp vụ trong việc thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

d) Thực hiện thống kê về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý của địa phương.

20. Giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về thi hành án dân sự, hành chính theo quy định của pháp luật và quy chế phối hợp công tác giữa cơ quan tư pháp và cơ quan thi hành án dân sự địa phương do Bộ Tư pháp ban hành.

21. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước về công tác tư pháp đối với công chức tư pháp - hộ tịch phường, các tổ chức và cá nhân

khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

22. Tổ chức ứng dụng khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Phòng.

23. Thực hiện công tác thông tin, thống kê, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân quận và Sở Tư pháp.

24. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, tham gia thanh tra việc thực hiện pháp luật trong các lĩnh vực quản lý đối với tổ chức, cá nhân trên địa bàn; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong hoạt động tư pháp trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận.

25. Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, thực hiện chế độ tiền lương, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức thuộc phạm vi quản lý của Phòng theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân quận.

26. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài sản, tài chính của Phòng Tư pháp theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận.

27. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân quận giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Phòng Tư pháp có Trưởng phòng, không quá 03 Phó Trưởng phòng và các công chức khác.

a) Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Phòng; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ của công chức tư pháp - hộ tịch phường trên địa bàn theo quy định pháp luật.

b) Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng.

c) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo điều kiện, tiêu chuẩn chức danh do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và theo quy định của pháp luật.

d) Việc điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Phòng Tư pháp và đặc điểm tình hình cụ thể của đơn vị, trình độ, năng lực cán bộ, Phòng Tư pháp được tổ chức thành các bộ phận gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác của Phòng, bao gồm các bộ phận sau:

a) Bộ phận tư pháp: Phụ trách các mặt công tác công tác xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; kiểm soát thủ tục hành chính; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; bồi thường nhà nước; trợ giúp pháp lý; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, công tác văn thư, lưu trữ, kế toán.

b) Bộ phận chứng thực: Phụ trách các mặt công tác chứng thực.

c) Bộ phận hộ tịch: Phụ trách các mặt công tác hộ tịch.

Điều 4. Biên chế

1. Biên chế công chức của Phòng Tư pháp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định trong tổng chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận hàng năm.

2. Việc bố trí công tác đối với công chức của Phòng Tư pháp phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức danh, tiêu chuẩn, cơ cấu ngạch công chức theo quy định và đảm bảo đủ lực lượng để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu công chức giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng công chức đó phải báo cáo Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể công chức một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác theo lịch công tác của đơn vị và phải báo cáo lãnh đạo Phòng trực tiếp.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Sở Tư pháp:

Phòng Tư pháp chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tư pháp, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Tư pháp.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Phòng Tư pháp chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ

công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng; Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phụ trách và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

Định kỳ, báo cáo Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận. Trong trường hợp Phòng Tư pháp chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng phòng Tư pháp tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng Tư pháp, Trưởng phòng có trách nhiệm giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

5. Đối với Ủy ban nhân dân phường:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng.

b) Hướng dẫn, kiểm tra công chức phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Trưởng phòng Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận và công chức và người lao động công tác tại Phòng Tư pháp có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất,

kiến nghị với Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Song Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2017/QĐ-UBND

*Bình Chánh, ngày 16 tháng 6 năm 2017***QUYẾT ĐỊNH****Về việc bãi bỏ Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02
năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 980/TTr-TP ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Phòng Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh nhiệm kỳ 2016-2021.

Lý do: Theo Điều 30 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã ban hành quyết định để quy định những vấn đề được luật giao” và khoản 2 Công văn số 1328/UBND-VX ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quy định: “Không ban hành quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế làm việc (trong nhiệm kỳ) của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn dưới hình thức văn bản quy phạm pháp luật”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 6 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Huyện, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Huyện, Chủ tịch Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Phú Lữ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2017/QĐ-UBND

Nhà Bè, ngày 16 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH**Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra huyện Nhà Bè****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2014/TTLT-TTCP-BNV ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Thanh tra Chính phủ - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận - huyện;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra huyện Nhà Bè tại Tờ trình số 62/TTr-TTH ngày 12 tháng 4 năm 2017, đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ tại Tờ trình số 306/TTr-PNV ngày 02 tháng 6 năm 2017 và ý kiến thẩm định của Trưởng phòng Tư pháp tại Văn bản số 75/PTP ngày 31 tháng 5 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra huyện Nhà Bè.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 6 năm 2017 và thay thế Quyết định số 626/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra huyện Nhà Bè.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Huyện, Chánh Thanh tra Huyện, Trưởng phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Lưu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Thanh tra huyện Nhà Bè
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí

Thanh tra Huyện là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè.

Thanh tra Huyện có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân Huyện mà trực tiếp là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện; đồng thời chịu sự chỉ đạo về công tác, hướng dẫn về nghiệp vụ của Thanh tra Thành phố.

2. Chức năng

Thanh tra Huyện tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân Huyện; tiến hành thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Thanh tra Huyện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng và các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân Huyện ban hành quyết định, chỉ thị về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước

được giao.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm và các chương trình, kế hoạch khác theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch sau khi được Ủy ban nhân dân Huyện hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện phê duyệt.

4. Thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng cho cán bộ, công chức xã - thị trấn.

5. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Huyện trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

6. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Nhà Bè hướng dẫn nghiệp vụ công tác cho Ban Thanh tra nhân dân các xã - thị trấn.

7. Về thanh tra:

a) Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân xã - thị trấn, của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Huyện;

b) Thanh tra vụ việc phức tạp có liên quan đến trách nhiệm của nhiều Ủy ban nhân dân xã - thị trấn, nhiều cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Huyện và các cơ quan, đơn vị khác theo kế hoạch được duyệt hoặc đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

c) Thanh tra vụ việc khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện giao;

d) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra Huyện và của Chủ tịch ủy ban nhân dân Huyện;

8. Về giải quyết khiếu nại, tố cáo:

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã - thị trấn và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Huyện thực hiện việc tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo;

b) Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - thị trấn, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân

Huyện trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; kiến nghị các biện pháp tăng cường công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện;

c) Xác minh, kết luận và kiến nghị việc giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện khi được giao;

d) Xem xét, kết luận việc giải quyết tố cáo mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Huyện đã giải quyết nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện xem xét, giải quyết lại theo quy định;

đ) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý tố cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện;

e) Tiếp nhận, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo; giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật.

9. Về phòng, chống tham nhũng:

a) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng của Ủy ban nhân dân xã - thị trấn và các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Huyện;

b) Phối hợp với cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong việc phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận, quyết định của mình trong quá trình thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử vụ việc tham nhũng;

c) Tiến hành xác minh kê khai tài sản, thu nhập theo quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng; tổng hợp kết quả kê khai, công khai, xác minh, kết luận, xử lý vi phạm về minh bạch tài sản, thu nhập trong phạm vi địa phương mình; định kỳ báo cáo kết quả về Thanh tra Thành phố;

d) Kiểm tra, giám sát nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi tham nhũng trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

10. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng được thực hiện quyền hạn của Thanh tra Huyện theo quy

định của pháp luật; được yêu cầu cơ quan, đơn vị có liên quan cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các Đoàn thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng.

11. Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra Huyện.

12. Tổng hợp, thông tin, báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của Ủy ban nhân dân Huyện và Thanh tra Thành phố.

13. Quản lý biên chế, công chức, thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra Huyện theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Huyện; việc thực hiện điều động, luân chuyển Thanh tra viên của Thanh tra Huyện phải có ý kiến của Chánh Thanh tra Thành phố.

Thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác thanh tra của công chức trong Thanh tra huyện nhằm chủ động phòng ngừa tham nhũng. Nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ).

Thực hiện định kỳ chuyển đổi các vị trí công tác không phải công tác thanh tra của công chức trong Thanh tra Huyện thực hiện theo hướng dẫn của các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý nhà nước chuyên ngành có thẩm quyền ban hành quy định chi tiết danh mục các vị trí công tác phải định kỳ chuyển đổi.

14. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân Huyện.

15. Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Huyện giao và theo quy định của pháp luật.

Chương II

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Tổ chức bộ máy

Thanh tra Huyện có Chánh Thanh tra, không quá 02 Phó Chánh Thanh tra,

Thanh tra viên và các công chức khác.

1. Chánh Thanh tra là người đứng đầu cơ quan Thanh tra Huyện, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện, đồng thời chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra Thành phố về thực hiện các mặt công tác chuyên môn và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Thanh tra.

Chánh Thanh tra có quyền:

- Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện về quyết định của mình;

- Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ những quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra;

- Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện giải quyết vấn đề về công tác thanh tra; trường hợp kiến nghị đó không được chấp thuận thì báo cáo Chánh Thanh tra Thành phố;

- Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc thẩm quyền quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra; yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức khác xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra hoặc không thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Chánh Thanh tra do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành và sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra Thành phố.

Việc miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện quyết định theo quy định của pháp luật sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra Thành phố.

2. Phó Chánh Thanh tra là người giúp Chánh Thanh tra phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Chánh Thanh tra vắng mặt một Phó Chánh Thanh tra được Chánh Thanh tra ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Thanh tra.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Phó Chánh Thanh tra do Chủ tịch Ủy ban nhân dân

Huyện quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành, theo đề nghị của Chánh Thanh tra và sau khi có ý kiến thống nhất với Chánh Thanh tra Thành phố.

Việc miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh Thanh tra do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện quyết định theo quy định của pháp luật, theo đề nghị của Chánh Thanh tra Huyện và sau khi có ý kiến thống nhất với Chánh Thanh tra Thành phố.

3. Việc khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với Chánh Thanh tra và Phó Chánh Thanh tra thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Biên chế

Biên chế công chức của Thanh tra Huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện quyết định trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của Huyện được Ủy ban nhân dân Thành phố giao cho Ủy ban nhân dân Huyện hàng năm.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Thanh tra Huyện xây dựng kế hoạch biên chế công chức theo quy định pháp luật bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

Chương III

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Chánh Thanh tra Huyện phụ trách, điều hành các hoạt động của Thanh tra và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Chánh Thanh tra phụ trách những lĩnh vực công tác được Chánh Thanh tra phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh, báo cáo Chánh Thanh tra thông qua họp giao ban hoặc đột xuất khi cần thiết.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Chánh Thanh tra khác, Phó Chánh Thanh tra chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Chánh Thanh tra quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Chánh Thanh tra khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Chánh Thanh tra trực tiếp yêu cầu Thanh tra viên hoặc

chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Chánh Thanh tra, yêu cầu đó được thực hiện nhưng Thanh tra viên hoặc chuyên viên đó phải báo cáo cho Phó Chánh Thanh tra trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt, hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Thanh tra Huyện họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Thanh tra Huyện, các bộ phận họp với Phó Chánh Thanh tra trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Căn cứ vào chương trình công tác hàng năm, hàng tháng của Ủy ban nhân dân Huyện và yêu cầu giải quyết công việc, Chánh Thanh tra tổ chức họp toàn thể thanh tra viên, công chức một lần trong tháng.

Các cuộc họp bất thường trong tháng chỉ được tổ chức để giải quyết những công việc đột xuất, khẩn cấp.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Thanh tra trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Thanh tra chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Thanh tra.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Thanh tra Thành phố:

Thanh tra Huyện chịu sự hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra Thành phố, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và yêu cầu của Chánh Thanh tra Thành phố.

2. Đối với Ủy ban nhân dân Huyện:

Thanh tra Huyện chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân Huyện về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của mình, Chánh Thanh tra Huyện trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện và phải báo cáo với Ủy ban nhân dân Huyện về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Ủy ban nhân dân Huyện về nội dung công tác của Thanh tra và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân Huyện:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân Huyện, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của Huyện. Trong trường hợp Thanh tra Huyện chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Chánh Thanh tra Huyện tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của Huyện:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Huyện, xã - thị trấn, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của Huyện có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Thanh tra, Chánh Thanh tra có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân Huyện giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

5. Đối với Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn:

a) Phối hợp, hướng dẫn và kiểm tra đôn đốc Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra;

b) Hướng dẫn các xã - thị trấn về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Thanh tra Huyện quản lý.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Căn cứ Quy chế này, Chánh Thanh tra Huyện có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Thanh tra phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với quy định tại Luật Thanh tra năm 2010, Nghị định số 97/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2011 quy định về Thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra và nội dung Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện quyết định để thi hành.

Điều 9. Chánh Thanh tra và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân Huyện có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện ký quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Lưu

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2914/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch tuyên truyền, kỷ niệm
50 năm thành lập ASEAN năm 2017**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế;

Thực hiện Công văn số 290/VPCP-QHQT ngày 07 tháng 02 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về Đề án tổ chức tuyên truyền và kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN;

Thực hiện Công văn số 423/BNG-ASEAN-m ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Bộ Ngoại giao về triển khai Đề án tổ chức tuyên truyền và kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN;

Xét đề nghị của Sở Ngoại vụ tại Công văn số 1834/SNV-VHTT ngày 09 tháng 5 năm 2017 về kế hoạch tổ chức tuyên truyền, kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN tại thành phố Hồ Chí Minh năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tuyên truyền, kỷ niệm 50

năm thành lập ASEAN năm 2017 tại thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan báo, đài, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Phong

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Tuyên truyền, kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN
tại thành phố Hồ Chí Minh năm 2017**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2914/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Thực hiện Công văn số 290/VPCP-QHQT ngày 07 tháng 02 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về Đề án tổ chức tuyên truyền và kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN;

Căn cứ Công văn số 423/BNG-ASEAN-m ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Bộ Ngoại giao về triển khai Đề án tổ chức tuyên truyền và kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN;

Ủy ban nhân dân thành phố triển khai Đề án tổ chức tuyên truyền và kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN đến các Sở, ban, ngành liên quan trên địa bàn thành phố như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Nâng cao nhận thức của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các sở, ban, ngành, tổ chức xã hội và người dân Thành phố Hồ Chí Minh về những thành tựu trong quá trình phát triển của Hiệp hội 50 năm qua, vai trò quan trọng của cộng đồng ASEAN, nội hàm, mục đích, các giá trị và lợi ích của cộng đồng và 3 trụ cột của cộng đồng, trong bối cảnh Việt Nam đang cùng các nước thành viên ASEAN đã hình thành cộng đồng từ ngày 31 tháng 12 năm 2015 đến nay.

Tạo điều kiện để các tầng lớp nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và nhất là cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố hiểu rõ và khai thác tối đa các lợi ích thiết thực mà Cộng đồng ASEAN mang lại.

Kịp thời chuyển tải đến đông đảo người dân các thông tin cập nhật về tình hình hợp tác ASEAN, đất nước, con người các nước thành viên ASEAN, sự tham gia của Việt Nam trong Cộng đồng nhằm thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau, qua đó, đóng góp cho các nỗ lực và nâng cao ý thức Cộng đồng trong khu vực.

II. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Từ ngày 15 tháng 6 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

III. ĐỐI TƯỢNG TUYÊN TRUYỀN

- Các tầng lớp nhân dân, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các nhà nghiên cứu, học giả; sinh viên, học sinh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người nước ngoài sinh sống, làm việc và tham quan du lịch tại Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt là công dân của các nước thành viên ASEAN.

IV. NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN, QUẢNG BÁ

1. Tuyên truyền theo sự kiện của ASEAN 2017

- Đẩy mạnh tuyên truyền rộng rãi về các sự kiện quan trọng của ASEAN diễn ra trong năm theo các đợt hội nghị quan trọng của ASEAN 2017 gồm:

+ Hội nghị cấp cao lần thứ 1 (đầu năm) và lần thứ 2 (cuối năm);

+ Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao (giữa năm);

+ Hội nghị Bộ trưởng chuyên ngành của các bộ, ngành.

- Kết hợp tuyên truyền về một số hội nghị cấp cao song phương, lễ kỷ niệm với các đối tác thành viên ASEAN (Lễ kỷ niệm Quốc khánh các nước, Kỷ niệm ngày thiết lập ngoại giao, Ngày ký hiệp ước hữu nghị, hợp tác...) và các hoạt động của ASEAN được tổ chức tại Việt Nam diễn ra trong năm 2017.

- Chương trình giao lưu văn hóa, nghệ thuật chào mừng kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN.

- Xây dựng khung hoạt động tuyên truyền cho Tuần ASEAN năm 2017 và kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN (từ ngày 28 tháng 7 đến ngày 08 tháng 8 năm 2017). Dự kiến các hoạt động tuyên truyền chung cho dịp này:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chiêu đãi chào mừng nhân dịp kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN (ngày 28 tháng 7 năm 2017). Thành phần khách mời gồm cơ quan đại diện lãnh sự 10 nước ASEAN và đại diện một số sở, ngành khối đối ngoại.

+ Lãnh đạo thành phố có bài viết trên các báo lớn về kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN.

+ Các báo, đài, các trang mạng của thành phố đồng loạt đăng các phóng sự, tin bài về kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN và sự tham gia của Việt Nam, trong đó quan hệ hợp tác giữa Thành phố Hồ Chí Minh với các nước thành viên ASEAN nói riêng và ASEAN nói chung.

+ Tổ chức một số sự kiện giao lưu văn hóa, nghệ thuật, thể thao giữa các sở, ngành Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan đại diện lãnh sự khối ASEAN trên địa bàn.

- Tổ chức chương trình Cầu truyền hình trực tiếp trên cơ sở phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam và các quốc gia ASEAN tại Lễ kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN.

2. Tuyên truyền thường xuyên

- Các báo, đài của thành phố (Đài Truyền hình thành phố, Báo Sài Gòn Giải Phóng, các website của Sở Ngoại vụ, Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố) nghiên cứu, xây dựng các bản tin chuyên đề, chuyên mục theo định kỳ để đưa tin thường xuyên về kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN.

- Đài Truyền hình thành phố tăng cường sản xuất hoặc trao đổi với các nước bạn các phim tài liệu, phóng sự về đất nước, con người các nước thành viên ASEAN về kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN để phát thường xuyên trong bản tin chuyên đề và tin phóng sự của Đài.

- Xây dựng hệ thống các pa-nô, áp phích cố động, tuyên truyền bằng tiếng Việt, tiếng Anh về kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN tại các khu vực đông dân cư như: khu vực sân bay Tân Sơn Nhất, dọc tuyến đường từ sân bay về trung tâm thành phố, các khu chế xuất, khu công nghiệp, khu đô thị mới nhằm tăng cường hiểu biết của các tầng lớp nhân dân về nội hàm, mục đích, các giá trị và lợi ích của cộng đồng ASEAN và từng trụ cột của cộng đồng.

- Các trang web của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố, các Sở, ban, ngành trên địa bàn thành phố có đường dẫn tạo liên kết với chuyên mục ASEAN trên trang thông tin điện tử Bộ Ngoại giao (<http://asean.mofa.gov.vn/vi/>) để các tầng lớp nhân dân dễ dàng tra cứu, tìm hiểu thông tin.

3. Các hoạt động diễn ra trong năm

- Hàng quý, các Sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn thành phố có kế hoạch tổ chức riêng hoặc liên kết nhiều đơn vị với nhau cùng tổ chức các buổi nói chuyện thời sự, hội thảo nhằm cập nhật tình hình gia nhập cộng đồng ASEAN, phổ biến kiến thức về nội hàm, mục đích, các giá trị và lợi ích của cộng đồng ASEAN và nội dung từng trụ cột của cộng đồng ASEAN nhằm kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN.

- Các Sở, ban, ngành trong lĩnh vực phụ trách của mình có kế hoạch hành động cụ thể tạo điều kiện cho công dân các nước trong cộng đồng ASEAN hiểu về Lễ kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN.

- Các Sở, ban, ngành trong lĩnh vực chuyên môn của mình tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề nhằm tuyên truyền cho nhân dân, đặc biệt là cộng đồng doanh nghiệp thành phố về các lợi ích trên từng lĩnh vực khi gia nhập cộng đồng ASEAN, làm rõ những cơ hội và thách thức khi gia nhập cộng đồng.

- Nhân dịp tổ chức các sự kiện lớn của thành phố trong năm 2017, các đơn vị được giao thực hiện sự kiện nghiên cứu lồng ghép đưa nội dung kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN vào nội dung hoạt động của sự kiện nhằm giới thiệu nét đẹp của cộng đồng các nước thành viên trên các lĩnh vực nghệ thuật, văn hóa, ẩm thực, hội họa, nhiếp ảnh; đồng thời, có kế hoạch khuyến khích, tăng cường sự tham gia, tham dự của các nước thành viên ASEAN trong các sự kiện này.

- Kết hợp tuyên truyền tại sự kiện APEC 2017 Thành phố Hồ Chí Minh tại Hội nghị quan chức cấp cao lần 3 (SOM 3) và các cuộc họp liên quan (15 - 30/8), Hội nghị Bộ trưởng Doanh nghiệp nhỏ (SMEMM) và vừa và các cuộc họp liên quan (11 - 17/9).

- Kết hợp tuyên truyền tại các hoạt động trong khuôn khổ “Lễ hội Văn hóa Thế giới Thành phố Hồ Chí Minh - Gyeongju 2017” do Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Gyeongju, Hàn Quốc, đồng tổ chức từ ngày 09 tháng 11 đến ngày 03 tháng 12 năm 2017 tại thành phố.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban Chỉ đạo thông tin tuyên truyền ASEAN

- Thành lập Ban Chỉ đạo thông tin tuyên truyền kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN do đồng chí Lê Thanh Liêm, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố, làm Trưởng ban; giao Sở Ngoại vụ làm Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo. Các thành viên Ban Chỉ đạo gồm đại diện lãnh đạo các sở, ngành: Sở Ngoại vụ, Công an thành phố (Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh), Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Giáo

duc và Đào tạo, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Cục Quản lý Xuất Nhập Cảnh, Cục Hải quan, Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị, Cảng vụ Hàng không Miền Nam, Cảng Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất.

- Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ đề ra định hướng về chính sách và các ưu tiên tuyên truyền; điều phối, thúc đẩy triển khai các hoạt động cụ thể trong Kế hoạch tuyên truyền, kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN trong năm 2017.

- Trưởng Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm chung trong điều hành, phân công công việc cụ thể cho các thành viên.

- Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo thay mặt Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành, theo dõi, đôn đốc các thành viên trong Ban Chỉ đạo và các sở, ngành liên quan triển khai kế hoạch tuyên truyền, quảng bá đã được duyệt.

2. Công tác triển khai

Các Sở, ngành, tổ chức liên quan, các cơ quan thành viên Ban Chỉ đạo Thông tin tuyên truyền ASEAN căn cứ vào nội dung tuyên truyền, nội dung công tác được phân công tại “Mục VI” của kế hoạch này và danh mục các hoạt động tuyên truyền, quảng bá kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN năm 2017 trong phụ lục đính kèm để xây dựng đề án triển khai cụ thể cho từng Sở, ngành. Trên cơ sở đó, Sở Ngoại vụ tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố kế hoạch tổng thể.

VI. PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Ngoại vụ

- Làm đầu mối, chủ trì phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Giao thông vận tải thực hiện việc treo cờ các nước ASEAN tại khu vực quảng trường phố đi bộ Nguyễn Huệ nhân dịp Tuần ASEAN.

- Chủ trì, phối hợp Ban Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn thành phố tổ chức lễ thượng cờ ASEAN vào ngày 08 tháng 8 năm 2017 tại khu vực cột cờ 10 nước ASEAN tại bến Bạch Đằng.

- Làm đầu mối, theo dõi đôn đốc các Sở, ban, ngành liên quan trong việc triển khai Kế hoạch tuyên truyền, quảng bá kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN. Tổng hợp kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt, làm đầu mối chi và thanh quyết toán kinh phí các hoạt động tuyên truyền trong khuôn khổ Kế hoạch tuyên truyền, quảng bá kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN năm 2017.

- Chủ trì phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao, Cảng vụ Hàng không Miền Nam, Tổng Công ty Cảng Hàng không sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất thực hiện các khẩu hiệu, các nội dung tuyên truyền về ASEAN tại khu vực bên ngoài, bên trong nhà ga quốc tế, quốc nội đến và đi.

- Chủ trì phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Giao thông vận tải, Bộ Ngoại giao thực hiện pa nô, áp phích kỷ niệm 50 năm ASEAN tại các khu dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị mới.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp các thông tin liên quan đến các sự kiện quan trọng của kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN diễn ra trong năm, các hội nghị, hợp tác song phương, các ngày kỷ niệm của các nước thành viên để kịp thời định hướng thông tin trên các phương tiện báo, đài của thành phố.

- Chủ trì tổ chức các tiệc chiêu đãi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố nhân dịp kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN.

- Hỗ trợ xây dựng nội dung, mời các báo cáo viên của Bộ Ngoại giao, đại diện Ban Thư ký ASEAN (trực thuộc Bộ Ngoại giao) báo cáo thời sự về tình hình gia nhập ASEAN và các nội dung liên quan đến Cộng đồng ASEAN trên cơ sở kế hoạch và đề nghị của các các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn thành phố.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Bộ Ngoại giao và các bên liên quan tổ chức các hội nghị, hội thảo về nội dung kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN.

- Chủ trì phối hợp với Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư, các Đại sứ quán, Tổng Lãnh sự quán, Văn phòng Thương vụ các nước ASEAN tổ chức hội chợ hàng hóa, dịch vụ của các nước ASEAN theo chủ đề để người tiêu dùng thành phố có thể tìm hiểu, tiếp xúc các loại hàng hóa, dịch vụ của các nước khác trong cộng đồng.

- Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ đối ngoại FSC (trực thuộc Sở Ngoại vụ) trực tiếp triển khai các nội dung trên và thực hiện các thủ tục thanh, quyết toán theo quy định.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp Ban Tuyên giáo Thành ủy định hướng thông tin cho các cơ quan báo, đài thành phố tuyên truyền, kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN tại thành phố năm 2017.

- Chỉ đạo các cơ quan báo, đài của thành phố mở chuyên trang, chuyên mục về ASEAN, kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN và phối hợp Sở Ngoại vụ khai thác thông tin để thực hiện các phóng sự, bài viết chuyên đề giới thiệu về đất nước, con người của các nước thuộc Cộng đồng ASEAN.

- Mời Sở Ngoại vụ cung cấp thông tin về hoạt động của các hội nghị ASEAN và các hoạt động song phương của Việt Nam với các nước thành viên ASEAN cho các cơ quan báo, đài của thành phố tại giao ban báo chí.

- Hỗ trợ các Sở, ngành, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội cấp phép tổ chức các hội thảo chuyên đề về lợi ích trong từng lĩnh vực khi gia nhập Cộng đồng ASEAN. Cấp phép để in ấn, xuất bản các ấn phẩm quảng bá về cộng đồng ASEAN, kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN.

- Chỉ đạo HCM CityWeb (<http://www.hochiminhcity.gov.vn>) và website của các Sở, ngành, quận, huyện thực hiện liên kết, đường dẫn chuyên mục ASEAN trên trang thông tin điện tử Bộ Ngoại giao (<http://asean.mofa.gov.vn/vi/>) và các chuyên trang trụ cột của các Bộ, Ngành phụ trách để các tầng lớp nhân dân dễ dàng tra cứu, tìm hiểu thông tin.

- Sử dụng mẫu logo kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN trong các hoạt động kỷ niệm; mẫu logo và hướng dẫn sử dụng được đăng tải trên trang web <http://asean.org/storage/2012/05/Guidelines-on-the-Use-of-ASEAN@50-Logo.pdf>.

3. Sở Văn hóa và Thể thao

- Chủ trì tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật chào mừng kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN.

- Phổ biến và hướng dẫn việc treo cờ ASEAN tại các trụ sở, nơi công cộng theo quy định vào ngày 08 tháng 8 năm 2017, kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN.

- Chủ trì nghiên cứu, đưa nội dung tuyên truyền, quảng bá kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN vào các sự kiện văn hóa lớn của Thành phố như: phố đi bộ Nguyễn Huệ, Lễ hội “Thành phố Hồ Chí Minh - Phát triển và Hội nhập”, Lễ hội văn hóa thế giới Thành phố Hồ Chí Minh - Gyeongju 2017.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ và Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị tổ chức các sự kiện văn hóa, nghệ thuật, thi đấu thể thao dành cho Cộng đồng các nước ASEAN và các cơ quan khối đối ngoại của thành phố trong năm 2017.

- Sử dụng mẫu logo kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN trong các hoạt động kỷ niệm; mẫu logo và hướng dẫn sử dụng được đăng tải trên trang web <http://asean.org/storage/2012/05/Guidelines-on-the-Use-of-ASEAN@50-Logo.pdf>.

4. Sở Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với Sở Du lịch, Sở Ngoại vụ nghiên cứu, đưa góc ASEAN vào sự kiện Hội chợ Quốc tế Du lịch, Liên hoan Ẩm thực món ngon các nước do thành phố tổ chức trong năm 2017, các sự kiện APEC 2017 diễn ra tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nghiên cứu, đưa nội dung tuyên truyền, các khẩu hiệu về khối đoàn kết ASEAN vào các ấn phẩm du lịch, ấn phẩm quảng bá du lịch tại các khách sạn và các tour du lịch.

- Tổ chức tuyên truyền, quảng bá về các điểm đến và các sản phẩm du lịch của 10 nước ASEAN.

- Sử dụng mẫu logo kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN trong các hoạt động kỷ niệm; mẫu logo và hướng dẫn sử dụng được đăng tải trên trang web <http://asean.org/storage/2012/05/Guidelines-on-the-Use-of-ASEAN@50-Logo.pdf>.

5. Thành đoàn

- Chủ trì, phối hợp Sở Ngoại vụ tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN cho đoàn viên thanh niên, sinh viên trên địa bàn thành phố.

- Sử dụng mẫu logo kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN trong các hoạt động kỷ niệm; mẫu logo và hướng dẫn sử dụng được đăng tải trên trang web <http://asean.org/storage/2012/05/Guidelines-on-the-Use-of-ASEAN@50-Logo.pdf>.

6. Cục Quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an, Cục Hải quan thành phố

- Nghiên cứu việc tổ chức các quầy thủ tục xuất nhập cảnh, kiểm soát hải quan dành riêng cho công dân các nước thuộc cộng đồng ASEAN trên cơ sở có đi có lại giữa 10 nước trong cộng đồng.

- Trên cơ sở thông tin cập nhật của Bộ Công an, Cục Quản lý Xuất nhập cảnh thông báo tình hình, chính sách xuất, nhập cảnh vào Việt Nam và ra các nước ASEAN cho Sở Thông tin và Truyền thông để cung cấp kịp thời thông tin tuyên truyền cho các báo, đài thành phố.

- Cục Hải quan thành phố cập nhật thường xuyên các thông tin, chính sách mới liên quan đến thuế xuất, nhập khẩu từ Việt Nam đến các nước ASEAN và ngược lại để doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh nắm và cung cấp cho Sở Thông tin và Truyền thông để cập nhật, tuyên truyền trên các báo, đài thành phố.

7. Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị

- Chủ trì tổ chức hội thảo chuyên đề, các buổi họp mặt, giao lưu văn nghệ, thể thao với các nước thành viên ASEAN nhân dịp Quốc khánh các nước thuộc cộng đồng ASEAN, kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức giải bóng bàn hữu nghị các nước ASEAN kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN.

- Sử dụng mẫu logo kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN trong các hoạt động kỷ niệm; mẫu logo và hướng dẫn sử dụng được đăng tải trên trang web <http://asean.org/storage/2012/05/Guidelines-on-the-Use-of-ASEAN@50-Logo.pdf>.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương và Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư có kế hoạch tổ chức các hội thảo chuyên đề nhằm cung cấp cho cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam và cộng đồng doanh nghiệp các nước ASEAN tại thành phố Hồ Chí Minh các thông tin, chính sách cập nhật về tình hình đầu tư, thương mại, những thuận lợi và khó khăn sau khi gia nhập cộng đồng ASEAN.

- Sử dụng mẫu logo kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN trong các hoạt động kỷ niệm; mẫu logo và hướng dẫn sử dụng được đăng tải trên trang web <http://asean.org/storage/2012/05/Guidelines-on-the-Use-of-ASEAN@50-Logo.pdf>.

9. Sở Tài chính:

Thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt kinh phí các hoạt động tuyên truyền trong khuôn khổ Kế hoạch tuyên truyền, quảng bá kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN năm 2017, bổ sung dự toán năm 2017 cho Sở Ngoại vụ.

10. Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh, Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Báo Sài Gòn Giải Phóng và các cơ quan báo chí, truyền thông trên địa bàn thành phố

- Đưa tin đầy đủ, chính xác, kịp thời đối với các sự kiện quan trọng của ASEAN, kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN diễn ra trong năm 2017.

- Đưa tin tuyên truyền thường xuyên về ASEAN, kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN.

- Trao đổi tin bài thường xuyên với các nước ASEAN và giữa các cơ quan báo chí với nhau.

- Sản xuất và phát sóng các phim, tin, bài phóng sự về ASEAN, đất nước và con người các nước trong cộng đồng ASEAN.

- Lập các chuyên mục, chuyên trang, chương trình tuyên truyền về ASEAN.

- Sử dụng mẫu logo kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN trong các hoạt động kỷ niệm; mẫu logo và hướng dẫn sử dụng được đăng tải trên trang web <http://asean.org/storage/2012/05/Guidelines-on-the-Use-of-ASEAN@50-Logo.pdf>.

11. Cảng vụ Hàng không Miền Nam, Cảng Hàng không sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất

- Phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện các pa-nô, áp phích tuyên truyền, quảng bá về ASEAN, kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN tại khu vực bên ngoài và trong nhà ga quốc tế và quốc nội đến và đi.

- Nghiên cứu, phối hợp với Đồn Cửa khẩu Tân Sơn Nhất, Hải quan sân bay Tân Sơn Nhất, các hãng hàng không chạy các chữ chào mừng và khu vực ưu tiên dành cho công dân các nước ASEAN tại các khu vực làm thủ tục vé, xuất, nhập cảnh, hải quan nhập, xuất.

VII. KINH PHÍ

- Kinh phí tổ chức các hoạt động chi từ nguồn ngân sách thành phố.

- Các báo, đài thành phố tự cân đối nguồn thu của đơn vị và nguồn xã hội hóa để tổ chức các hoạt động.

- Căn cứ Kế hoạch này, các Sở, ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch riêng, dự trù kinh phí và gửi Sở Ngoại vụ để tổng hợp, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề xuất và ý kiến khác, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Ngoại vụ, Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Tuyên truyền, quảng bá kỷ niệm 50 năm thành lập ASEAN) để chỉ đạo giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Phong

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2960/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000
Khu 1, quận Tân Phú (tại ô phố có ký hiệu I/133, II/51, một phần đất
giao thông và cây xanh cách ly)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 24/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCXDVN 01:2008/BXD);

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 về sửa

đôi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt đề án quy hoạch chung xây dựng quận Tân Phú;

Căn cứ Quyết định số 5388/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt đề án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu 1, quận Tân Phú;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 1861/TTr-SQHKT ngày 26 tháng 4 năm 2017 về trình duyệt điều chỉnh cục bộ đề án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu 1, quận Tân Phú (tại ô phố có ký hiệu I/133, II/51, một phần đất giao thông và cây xanh cách ly),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh cục bộ đề án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu 1, quận Tân Phú (tại ô phố có ký hiệu I/133, II/51, một phần đất giao thông và cây xanh cách ly), với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

- Quy mô diện tích khu đất điều chỉnh cục bộ quy hoạch: 99.116m².
- Vị trí và giới hạn phạm vi điều chỉnh cục bộ quy hoạch: ô phố có ký hiệu I/133 và II/51 trên bản vẽ tổng mặt bằng quy hoạch sử dụng đất của đề án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu 1, quận Tân Phú.

- + Phía Đông Nam : giáp đường kênh 19/5.
- + Phía Tây Bắc : giáp đường CN 13.
- + Phía Tây Nam : giáp đường CN 6.
- + Phía Đông Bắc : giáp khu công nghiệp Tân Bình.

2. Lộ giới các tuyến đường có liên quan:

- Đường kênh 19/5 : 60m.
- Đường CN 13 : 26m.
- Đường CN 6 : 16m.
- Đường Lê Trọng Tấn : 30m.

3. Cơ quan tổ chức lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

Ủy ban nhân dân quận Tân Phú.

4. Hồ sơ bản vẽ điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

- Bản sao bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng quy hoạch sử dụng đất của đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu 1, quận Tân Phú đã được duyệt.

- Bản đồ vị trí lô đất, khu đất cần điều chỉnh cục bộ trích từ bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Bản đồ điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu 1, quận Tân Phú;

Điều 2. Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

1. Giải pháp, hiệu quả kinh tế-xã hội của việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

- Giải pháp điều chỉnh cục bộ quy hoạch: điều chỉnh quy hoạch tại ô phố nêu trên cho phù hợp với tình hình phát triển và hiện trạng sử dụng đất tại khu vực nhằm tăng tính khả thi cho đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 được duyệt

- Hiệu quả kinh tế - xã hội của việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

+ Làm cơ sở pháp lý để Ủy ban nhân dân quận Tân Phú quản lý dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

+ Làm cơ sở để Ủy ban nhân dân quận Tân Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân theo quy định.

2. Nội dung điều chỉnh:

- Về chức năng sử dụng đất, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị:

	Ký hiệu khu đất	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao tối đa (tầng)	Hệ số sử dụng đất (lần)
Theo đồ án quy hoạch được duyệt	I/133	Đất hỗn hợp (10% đất ở; 30% đất giáo dục; 60% đất thương mại - dịch vụ)	95.800	40	02 - 08	2,475
	II/51					
		Đất giao thông và cây xanh cách ly	3.316			
Sau khi điều chỉnh cục bộ	I/133a	Đất nhóm nhà ở xây dựng mới kết hợp thương mại -	14.911	50	01 - 07	2,4

quy hoạch		dịch vụ				
	I/133b	Đất công trình giáo dục (trường tiểu học)	6.602	40	01 - 04	1,6
	I/133c	Đất nhóm nhà ở hiện hữu chính trang	6.737	65	01 - 07	2,6
	I/133d	Đất nhóm nhà ở xây dựng mới kết hợp thương mại - dịch vụ	1.365	50	01 - 07	2,4
	I/133e	Đất nhóm nhà ở hiện hữu chính trang	1.767	65	01 - 07	2,6
	II/51a	Đất công trình dịch vụ công cộng (thương mại - dịch vụ)	3.180	60	01 - 09	4,0
	II/51b	Đất nhóm nhà ở hiện hữu chính trang	8.318	65	01 - 07	2,6
	II/51c	Đất công trình giáo dục (trường trung học cơ sở)	13.938	40	01 - 04	1,6
	II/51d	Đất công trình dịch vụ công cộng (thương mại - dịch vụ)	9.795	60	01 - 09	4,0
	II/51e	Đất nhóm nhà ở xây dựng mới	19.447	60	01 - 07	2,4
	II/51f	Đất nhóm nhà ở hiện hữu chính trang	4.909	65	01 - 07	2,6
	II/51g	Đất nhóm nhà ở hiện hữu chính trang	3.994	65	01 - 07	2,6
	II/51h	Đất nhóm nhà ở hiện hữu chính trang	4.153	65	01 - 07	2,4

Ghi chú:

- Số tầng công trình bao gồm các tầng được quy định tại Thông tư số 12/2012/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Xây dựng ban hành theo QCVN 03:2012/BXD.

- Về hệ số sử dụng đất: tổng diện tích sàn được tính cho các tầng được quy định tại Thông tư số 12/2012/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Xây dựng ban hành theo QCVN 03:2012/BXD.

Điều 3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú và các đơn vị có liên quan

- Ủy ban nhân dân quận Tân Phú có trách nhiệm cập nhật và thể hiện trong hồ sơ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu 1, quận Tân Phú những nội dung điều chỉnh nêu trên. Sau khi rà soát, đánh giá quá trình thực hiện đồ án này theo định kỳ thời hạn đã được quy định, cần tổng hợp các nội dung điều chỉnh để đưa vào nội dung nghiên cứu điều chỉnh tổng thể đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu 1, quận Tân Phú (trong đó có hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội). Trong quá trình quản lý, tổ chức triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt cần kiểm soát, quản lý chặt chẽ để có giải pháp khắc phục những phát sinh (nếu có) do điều chỉnh cục bộ quy hoạch nhằm phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong phạm vi đồ án, đảm bảo việc quản lý, phát triển đô thị phù hợp với nội dung đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 và các nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch đã được phê duyệt.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được phê duyệt, cơ quan có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch đô thị cần phải công bố công khai nội dung điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 này theo quy định.

- Công tác cấm mốc giới theo nội dung điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 này cần được tổ chức thực hiện theo Thông tư số 15/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng và Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về cấm mốc giới theo quy hoạch đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển thành phố, Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Tây Thạnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Sơn Kỳ và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Khoa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2961/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017
của quận 9

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân quận 9 tại Tờ trình số 1151/TTr-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2017; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5292/TTr-STNMT-QLĐ ngày 31 tháng 5 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của quận 9 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)												
				Long Bình	Long Thành Mỹ	Tân Phú	Hiệp Phú	Tăng Nhơn Phú A	Tăng Nhơn Phú B	Phước Long B	Phước Long A	Trưởng Thành	Long Phước	Long Trường	Phước Bình	Phú Hữu
(a)	(b)	(c)	(d)=(1+2+...)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	TỔNG DTIN (1+2+3)		11.397,33	1.772,21	1.212,58	445,08	224,24	418,93	528,08	592,33	237,20	983,77	2.525,09	1.438,97	98,88	1.206,60
1	Đất nông nghiệp	NNP	2.622,88	174,64	90,15	49,06	4,47	5,87	26,77	49,64	0,93	289,61	1.199,23	711,43	2,85	304,85
1.1	Đất trồng lúa	LUA	334,85	7,09	0,72			0,00		2,98		5,19	99,65	179,05		40,17
	<i>Trong đó: Đất chuyên lúa nước</i>	LUC	66,48		0,09			0,00					34,91			31,48
	<i>Đất trồng lúa **</i>	LUA**	293,74	7,09	6,87					4,18		0,97	74,35	177,07		23,19
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	149,25	32,20	0,65	0,18	4,14	0,01	8,07	10,07	0,42	77,25	11,20	0,34		4,72
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.995,27	104,09	79,95	48,88	0,33	1,82	10,42	32,34	0,36	176,91	1.010,58	337,15	2,85	189,58
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH														
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD														
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	21,57	21,57												
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	121,94	9,68	1,96			4,05	8,29	0,07	0,14	29,29	3,45	17,83		47,19
1.8	Đất làm muối	LMU														
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH														
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	8.773,97	1.597,57	1.122,42	396,02	219,77	413,06	501,31	542,68	236,27	693,88	1.325,86	727,54	96,03	901,55
2.1	Đất quốc phòng	CQP	172,01	5,59	39,60	0,75	7,87	0,12		10,18		18,28	87,86		1,77	
2.2	Đất an ninh	CAN	49,97	5,16	34,19	0,04	9,23	0,54			0,56			0,15		0,10
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	821,52		295,42	93,99	5,48	125,90	247,14							53,58
2.4	Đất khu chế xuất	SKT														
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN														
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	53,24	41,12	2,87	0,75	0,38	0,20	0,20	0,56	0,20	5,10	0,30	0,20	0,20	1,17
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	426,93	77,22	0,97	6,38	28,64	0,26	21,36	26,56	20,54	20,81	200,33	1,01	2,26	20,59
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS														

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)												
				Long Bình	Long Thạnh Mỹ	Tân Phú	Hiệp Phú	Tăng Nhơn Phú A	Tăng Nhơn Phú B	Phước Long B	Phước Long A	Trường Thạnh	Long Phước	Long Trường	Phước Bình	Phú Hữu
(a)	(b)	(c)	(d)=(1+2+...)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3	Đất chưa sử dụng	CSD	0,48									0,29				0,20
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN	913,00		322,23	128,15	18,47	161,13	283,02							
5	Đất khu kinh tế*	KKT														
6	Đất đô thị*	KDT	11.683,96	1.772,21	1.212,58	445,08	224,24	418,93	528,08	592,33	237,20	983,77	2.525,09	1.438,97	98,88	1.206,60

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

LUA**: Theo số liệu kiểm kê đất đai năm 2014 đất trồng lúa trên địa bàn quận 9 đã giảm đi rất nhiều, nhưng theo hiện trạng thể hiện trên GCNQSDĐ của người dân vẫn còn đất trồng lúa do quá trình sử dụng đã thay đổi mục đích sử dụng nhưng không cập nhật biến động đất đai trên GCNQSDĐ, và số liệu này không tính vào tổng diện tích tự nhiên trong KHSDD.

2. Diện tích thu hồi đất năm 2017:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)												
				Long Bình	Long Thạnh Mỹ	Tân Phú	Hiệp Phú	Tăng Nhơn Phú A	Tăng Nhơn Phú B	Phước Long B	Phước Long A	Trường Thạnh	Long Phước	Long Trường	Phước Bình	Phú Hữu
(a)	(b)	(c)	(d)=(1+2+...)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Đất nông nghiệp	NNP	473,87	8,66	5,98	0,81		7,29	13,85	12,84		73,55	265,84	66,08	0,33	18,65
1.1	Đất trồng lúa	LUA	104,32	1,24	0,58							10,35	73,04	14,18		4,92
	Đất trồng lúa **	LUA**	271,65	161,24	0,67					0,37		34,02	55,49	16,17		3,70
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	27,26		0,84			6,29	8,05	2,71		0,89	8,48			
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	339,00	7,42	4,56	0,81		1,00	5,80	10,13		59,70	184,31	51,22	0,33	13,73

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)												
				Long Bình	Long Thạnh Mỹ	Tân Phú	Hiệp Phú	Tăng Nhơn Phú A	Tăng Nhơn Phú B	Phước Long B	Phước Long A	Trường Thạnh	Long Phước	Long Trường	Phước Bình	Phú Hữu
(a)	(b)	(c)	(d)=(1+2+...)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH														
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD														
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX														
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	3,29									2,61		0,68		
1.8	Đất làm muối	LMU														
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH														
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	106,65	11,33	3,77	2,05	3,28	10,44	7,47	7,59	1,20	5,18	41,39	6,75		6,20
2.1	Đất quốc phòng	CQP														
2.2	Đất an ninh	CAN														
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	0,72						0,72							
2.4	Đất khu chế xuất	SKT														
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN														
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD														
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3,48	0,56	0,10		1,21	0,60	0,03		0,98					
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS														
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	9,05	8,46								0,09	0,50			
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT														

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)												
				Long Bình	Long Thạnh Mỹ	Tân Phú	Hiệp Phú	Tăng Nhơn Phú A	Tăng Nhơn Phú B	Phước Long B	Phước Long A	Trường Thạnh	Long Phước	Long Trường	Phước Bình	Phú Hữu
(a)	(b)	(c)	(d)=(1+2+...)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL														
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA														
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT														
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	61,29	2,31	3,67	2,05	2,07	7,17	4,22	6,99	0,16	4,59	21,83	2,83		3,41
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC														
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,17					0,17								
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG														
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON														
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1,77								0,06			1,42		0,29
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX														
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH														
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV														
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN														
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	30,16					2,50	2,50	0,60		0,50	19,06	2,50		2,50

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)												
				Long Bình	Long Thạnh Mỹ	Tân Phú	Hiệp Phú	Tăng Nhơn Phú A	Tăng Nhơn Phú B	Phước Long B	Phước Long A	Trường Thạnh	Long Phước	Long Trường	Phước Bình	Phú Hữu
(a)	(b)	(c)	(d)=(1+2+...)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC														
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK														

LUA**: Theo số liệu kiểm kê đất đai năm 2014 đất trồng lúa trên địa bàn quận 9 đã giảm đi rất nhiều, nhưng theo hiện trạng thể hiện trên GCNQSDĐ của người dân vẫn còn đất trồng lúa do quá trình sử dụng đã thay đổi mục đích sử dụng nhưng không cập nhật biến động đất đai trên GCNQSDĐ, và số liệu này không tính vào tổng diện tích tự nhiên trong KHSĐĐ.

3. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất 2017:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)												
				Long Bình	Long Thạnh Mỹ	Tân Phú	Hiệp Phú	Tăng Nhơn Phú A	Tăng Nhơn Phú B	Phước Long B	Phước Long A	Trường Thạnh	Long Phước	Long Trường	Phước Bình	Phú Hữu
(a)	(b)	(c)	(d)=(1+2+...)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	859,27	12,86	99,45	5,01	0,50	10,75	24,05	32,91	0,50	84,91	301,37	235,05	0,63	51,29
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	128,06	1,24	6,82			0,00		8,30		10,35	75,29	14,75		11,32
	Đất trồng lúa **	LUA**/PNN	170,50	1,24	6,82					8,30		14,57	97,90	16,73		24,94
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	47,60		12,66		0,50	6,83	11,05	4,91		3,17	8,48			
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	676,13	11,62	77,67	5,01		2,92	13,00	19,70	0,50	68,78	217,59	219,62	0,63	39,11
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN														
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN														
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN														
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	7,47		2,31			1,00				2,61		0,68		0,87
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN														
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN														
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		99,10	15,00	12,00					0,10		10,00	22,00	20,00		20,00
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm hộ gia đình cá nhân	LUA/CLN	99,10	15,00	12,00					0,10		10,00	22,00	20,00		20,00
3	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	10,40	0,80	0,80	0,80	0,80	0,80	0,80	0,80	0,80	0,80	0,80	0,80	0,80	0,80

LUA**: Theo số liệu kiểm kê đất đai năm 2014 đất trồng lúa trên địa bàn quận 9 đã giảm đi rất nhiều, nhưng theo hiện trạng thể hiện trên GCNQSDĐ của người dân vẫn còn đất trồng lúa do quá trình sử dụng đã thay đổi mục đích sử dụng nhưng không cập nhật biến động đất đai trên GCNQSDĐ, và số liệu này không tính vào tổng diện tích tự nhiên trong KHSDD.

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng 2017: Kế hoạch năm 2017 dự kiến còn 0,48 ha, giảm 0,20 ha so với năm 2016, diện tích giảm do chuyển sang đất phi nông nghiệp (Khu đất khai thác tạo vốn xây dựng tuyến vành đai 2).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận 9 có trách nhiệm phối hợp và thực hiện:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Căn cứ kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, xác định và phê duyệt vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp phường.

3. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

4. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 9 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Khoa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3183 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành tiêu chuẩn “Xã đạt chuẩn văn hóa - văn minh đô thị”
giai đoạn 2017 - 2021**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”;

Căn cứ Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”;

Xét đề nghị của Sở Văn hóa và Thể thao - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 2787/SVHTT-VHGD ngày 26 tháng 5 năm 2017 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2270/TTr-SNV ngày 08 tháng 6 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này tiêu chuẩn “Xã đạt chuẩn văn hóa - văn minh đô thị” giai đoạn 2017 - 2021 trong Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và bổ sung Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành các Tiêu chuẩn văn hóa giai đoạn 2017 - 2021.

Điều 3. Giao Sở Văn hóa và Thể thao - Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với các sở - ngành thành phố xây dựng thang điểm cụ thể của tiêu chuẩn “Xã đạt chuẩn văn hóa - văn minh đô thị” giai đoạn 2017 - 2021 và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn triển khai thực hiện hàng năm.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện và các thành viên Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Thu

TIÊU CHUẨN
“XÃ ĐẠT CHUẨN VĂN HÓA - VĂN MINH ĐÔ THỊ”
GIAI ĐOẠN 2017 - 2021

*(Kèm theo Quyết định số 3183 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. TIÊU CHUẨN

1. Quản lý kiến trúc, xây dựng đô thị theo quy hoạch

a) Quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chi tiết đô thị phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt; được công bố công khai rộng rãi;

b) Xây dựng, nâng cấp, cải tạo 90% trở lên các công trình công cộng về hành chính, văn hóa-xã hội và hạ tầng cơ sở đô thị;

c) Quản lý 100% công trình công cộng xây mới (kể từ khi quy hoạch được phê duyệt) đúng quy hoạch, có kiến trúc hài hòa, đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành;

d) Thực hiện tốt trách nhiệm quản lý Nhà nước về xây dựng; phát huy vai trò tự quản cộng đồng trong việc thực hiện quy hoạch kiến trúc, xây dựng đô thị;

đ) Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả các công trình công cộng trên địa bàn phục vụ lợi ích công cộng; không lấn chiếm, không sử dụng diện tích đất công và công trình công cộng vào mục đích thương mại, nhà ở.

2. Giúp nhau phát triển kinh tế

a) Thực hiện tốt cuộc vận động “Vi người nghèo”, xã cơ bản không có hộ nghèo theo chuẩn nghèo thành phố giai đoạn 2016 - 2020, tỷ lệ hộ nghèo dưới 1% trên tổng số hộ dân của xã, và theo tiêu chí 5 mức độ thiếu hụt về: Giáo dục và Đào tạo, y tế, điều kiện sống, tiếp cận thông tin, bảo hiểm và trợ giúp xã hội;

b) Tỷ số việc làm trên lực lượng lao động tại xã đạt trên 90% đến 95%.

3. Nâng cao chất lượng “Gia đình văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”, các mô hình văn hóa khác

a) 80% trở lên gia đình được công nhận “Gia đình văn hóa” 03 (ba) năm liên tục trở lên;

b) 60% trở lên nhà ở của người dân được xây dựng mới, hoặc cải tạo, chỉnh

trang, làm đẹp kiến trúc đô thị;

c) 80% trở lên áp văn hóa đạt tiêu chuẩn “Áp văn hóa” 06 (sáu) năm liên tục trở lên;

d) 100% áp vận động được người dân tham gia bảo dưỡng, nâng cấp cơ sở hạ tầng đô thị và đảm bảo vệ sinh môi trường;

đ) 80% trở lên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã đạt chuẩn văn hóa liên tục từ 05 (năm) năm trở lên;

e) 70% trở lên các mô hình văn hóa: Chung cư, ký túc xá, công viên, chợ, điểm sáng văn hóa, nhà hàng tiệc cưới đạt chuẩn văn minh-lành mạnh-tiết kiệm theo tiêu chí của huyện.

4. Xây dựng nếp sống văn minh, môi trường văn hóa đô thị

a) 80% trở lên hộ gia đình thực hiện tốt các quy định hiện hành về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và nếp sống văn minh đô thị;

b) Không lấn chiếm lòng đường, hè phố gây cản trở giao thông, không coi nói, làm mái che, đặt biển quảng cáo sai quy định, gây mất mỹ quan đô thị; Có giải pháp thực hiện Quyết định số 74/2008/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về quy định quản lý và sử dụng lòng đường, vỉa hè trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

c) Thực hiện tốt 10 điều quy ước về vệ sinh, văn minh đường phố; 100% áp có tổ vệ sinh, thường xuyên quét dọn, thu gom rác thải về nơi quy định;

d) Đảm bảo vệ sinh môi trường; thu gom rác thải theo quy định; 100% cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ không gây ô nhiễm môi trường, 100% hộ dân có đăng ký thu gom rác thải, 80% trở lên số áp có thực hiện phong trào “15 phút vì Thành phố văn minh - sạch đẹp” một tuần/lần;

đ) Đạt tỷ lệ cây xanh công cộng, tỷ lệ đất giao thông tĩnh, tiêu chuẩn cấp nước, thoát nước và chiếu sáng đô thị theo quy định;

e) Xây dựng quan hệ cộng đồng, đồng bào dân tộc thiểu số thân thiện đoàn kết giúp nhau giảm nghèo bền vững, hợp tác phát triển kinh tế.

5. Xây dựng phong trào văn hóa, thể thao

a) Có Trung tâm Văn hóa - Thể thao hoặc Tự điểm sinh hoạt văn hóa - thể thao xã hoặc giải pháp về tổ chức, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao có hiệu

quả;

b) 80% trở lên ấp có điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao hoạt động thường xuyên; thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân, đồng bào dân tộc thiểu số tham gia;

c) Duy trì các hoạt động văn nghệ quần chúng, hoạt động câu lạc bộ; hoạt động thể dục thể thao; bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh; các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số ở địa phương.

6. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương

a) 95% trở lên hộ gia đình được phổ biến và nghiêm chỉnh thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương;

b) 100% ấp xây dựng và thực hiện tốt quy ước cộng đồng; có tổ tự quản hoạt động thường xuyên; mâu thuẫn, bất hòa được giải quyết tại cộng đồng; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, không có khiếu kiện đông người, vượt cấp, trái pháp luật;

c) Có các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn, đạt trên 95% gia đình không có bạo lực;

d) Tổ chức các hoạt động để nhân dân tham gia giám sát chính quyền, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, đấu tranh phòng chống tham nhũng và thực hiện các chính sách xã hội;

đ) Xử lý kịp thời, dứt điểm các vi phạm pháp luật về quy hoạch, kiến trúc, xây dựng đô thị; không có công trình xây dựng vi phạm pháp luật nghiêm trọng đến mức phải cưỡng chế, tháo dỡ;

e) 100% các cơ sở kinh doanh, dịch vụ văn hóa được xây dựng theo quy hoạch, thực hiện nghiêm các quy định pháp luật; không có cơ sở tàng trữ, lưu hành sản phẩm văn hóa có nội dung độc hại;

g) Thực hiện tốt Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông; không phát sinh tệ nạn xã hội, trọng án hình sự.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Nếu vi phạm một trong những trường hợp sau thì không được xét công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa - văn minh đô thị”:

a) Hàng năm không đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự theo Thông tư 23/2013/TT-BCA ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về khu dân cư, phường, xã, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự;

b) Có tình trạng mất vệ sinh, ô nhiễm môi trường, ùn tắc giao thông và vi phạm trật tự kỷ cương, mỹ quan đô thị nghiêm trọng;

2. Căn cứ tiêu chuẩn này, Ủy ban nhân dân huyện có thể bổ sung thêm các tiêu chí cụ thể và mức đạt của các tiêu chí phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, và phải được sự đồng thuận của các cơ quan chức năng của thành phố có liên quan đến việc thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thực hiện, nhưng không được thấp hơn với các quy định tại Quyết định này.

3. Thời gian, thẩm quyền công nhận:

Công nhận lần đầu, sau 02 (hai) năm liên tục đạt tiêu chuẩn kể từ ngày đăng ký xây dựng; Công nhận lại, sau 05 (năm) liên tục đạt tiêu chuẩn kể từ ngày được quyết định công nhận lần trước. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định ghi nhận, công nhận, công nhận lại.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3483/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án “Nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế
trong kinh doanh bán lẻ xăng, dầu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ Nghị định số 80/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Công văn số 12733/BTC-TCT ngày 13 tháng 9 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc phối hợp chỉ đạo công tác quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu;

Xét đề nghị của Cục Thuế thành phố tại Tờ trình số 5514/TT-CT ngày 14 tháng 6 năm 2017 về việc phê duyệt đề án “Nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế trong kinh doanh bán lẻ xăng, dầu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án “Nâng cao hiệu quả công tác

quản lý thuế trong kinh doanh bán lẻ xăng, dầu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”.

Điều 2. Giao Cục Thuế thành phố là cơ quan thường trực chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Đề án này, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Giám đốc các Sở: Sở Công Thương, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, thủ trưởng các sở ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân kinh doanh xăng dầu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Vĩnh Tuyền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

**Nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế trong kinh doanh bán lẻ
xăng, dầu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3483/QĐ-UBND
ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005.

Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015.

Luật quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012.

Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012.

Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011.

Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về kinh doanh xăng dầu.

Nghị định số 80/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Công văn số 12733/BTC-TCT ngày 13 tháng 9 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc phối hợp chỉ đạo công tác quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu.

II. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ ÁN

Xăng, dầu là một trong những nguồn nguyên liệu quan trọng phục vụ cho nhu cầu đời sống, kinh tế xã hội và được nhà nước quan tâm quản lý về giá cũng như chất lượng. Hoạt động kinh doanh xăng, dầu có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, trong đó một phần lớn là các cửa hàng tư nhân. Tuy nhiên ý thức chấp hành tuân thủ quy định của pháp luật về kinh doanh xăng dầu, về hóa đơn chứng từ của các cơ quan nhà nước, của người tiêu dùng, của các cửa hàng kinh doanh xăng dầu còn hạn chế

dẫn đến gây hiện tượng bất bình đẳng trong kinh doanh, gây tổn hại đến các cửa hàng kinh doanh khác, người tiêu dùng và sự phát triển của địa phương.

Nhằm khắc phục những vấn đề còn hạn chế, tồn tại trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh xăng, dầu trên địa bàn nói chung, cũng như quản lý thuế đối kinh doanh xăng dầu nói riêng cần thực hiện đúng nguyên tắc “thu đúng, thu đủ, thu kịp thời”, đảm bảo chống thất thu ngân sách nhà nước; đồng thời nâng cao ý thức tuân thủ chấp hành chính sách pháp luật về thuế của các cửa hàng kinh doanh xăng dầu, đảm bảo công bằng, bình đẳng về nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước và đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng, việc ban hành đề án “Nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế trong kinh doanh bán lẻ xăng, dầu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh” là nội dung cần thiết và cấp bách hiện nay.

III. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

- Quản lý chặt chẽ sản lượng bán ra của các cửa hàng bán xăng dầu làm căn cứ kê khai nộp thuế góp phần chống thất thu cho ngân sách nhà nước.

- Chống tiêu cực trong việc mua, bán hóa đơn của các cửa hàng kinh doanh xăng, dầu; tăng cường tính tự giác và gắn trách nhiệm có tính bắt buộc của các cửa hàng kinh doanh xăng, dầu trong việc cung cấp hoá đơn hợp pháp khi bán cho người tiêu dùng.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu thuế đối với kinh doanh bán lẻ xăng dầu, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng giữa các cửa hàng kinh doanh xăng, dầu và bảo vệ cho người tiêu dùng.

IV. YÊU CẦU CỦA ĐỀ ÁN

- Tổ chức thực hiện đề án phải đảm bảo khách quan, minh bạch, công bằng và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Cục Thuế thành phố chủ trì đề án và phối hợp với Sở Công Thương (Chi cục Quản lý thị trường), Sở Khoa học và Công nghệ (Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng), Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân quận huyện.

V. NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Phạm vi điều chỉnh của Đề án

- Tất cả các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh xăng dầu tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Thời gian thực hiện đề án:

+ Dự kiến thực hiện và hoàn thành dán tem: trong tháng 9/2017.

+ Ghi nhận chỉ số sau khi dán tem và báo cáo theo quý.

2. Một số quy định chung

2.1. Quy định tem niêm phong

Cục Thuế thành phố phát hành các loại tem sau:

- Tem dán đồng hồ công tơ tổng: tem loại bóc vỡ, chống giả có ký hiệu và số sê ri, biểu tượng Cục Thuế.

- Tem mã vạch dán trên các cột đo xăng dầu: tem loại bóc vỡ, có mã vạch, chống giả có ký hiệu và số sê ri, biểu tượng Cục Thuế.

2.2. Xác định doanh thu tính thuế bán lẻ xăng, dầu

Doanh thu tính thuế = số lượng xăng, dầu tiêu thụ trong kỳ (bao gồm bán không qua đồng hồ công tơ tổng) x (đơn giá bán theo thông báo của doanh nghiệp đầu mỗi theo từng thời điểm xuất bán)

Trong đó:

- Kiểm tra liên lưu hóa đơn (liên 1) của hàng hoá bán ra để đối chiếu với các chỉ số phản ánh trên công tơ tổng.

- Số lượng tiêu thụ trong kỳ căn cứ các chỉ số đầu kỳ, chỉ số cuối kỳ được thể hiện qua các biên bản kiểm tra định kỳ hay đột xuất.

- Kiểm tra đối chiếu hợp đồng kinh tế, hóa đơn chứng từ để xác định lượng và giá trị xăng dầu mua vào tương ứng với lượng và giá trị xăng dầu bán ra.

- Lưu ý kiểm tra số lượng mua bán xăng dầu dưới các hình thức giao thẳng đến các công trình, nhà máy.... không qua đồng hồ công tơ tổng.

- Trong quá trình ghi nhận chỉ số hoặc kiểm tra, thanh tra nếu xét thấy cần phải kiểm tra lượng xăng dầu tồn kho thực tế tại cửa hàng để có cơ sở xác định tính trung thực của hồ sơ khai thuế thì tiến hành kiểm kê xăng, dầu tồn kho tại cửa hàng kinh doanh.

2.3. Xác định trách nhiệm của cửa hàng kinh doanh xăng dầu

- Các cửa hàng kinh doanh xăng, dầu tự xác định các chỉ số thể hiện trên đồng hồ công tơ tổng để tính toán sản lượng xăng, dầu xuất bán làm cơ sở cho việc kê khai thuế.

- Trường hợp các cửa hàng kinh doanh bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ không lập hoá đơn chứng từ, không ghi chép hạch toán sổ sách theo quy định để trốn thuế, gian lận thương mại phải kiên quyết xử lý nghiêm minh. Các cửa hàng kinh doanh không được sử dụng bất cứ một loại hoá đơn, chứng từ khác ngoài những hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật để cung cấp và thu tiền của người mua mỗi khi có giao dịch.

- Tất cả các tổ chức cá nhân kinh doanh xăng dầu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có nghĩa vụ và trách nhiệm phối hợp để thực hiện dán tem niêm phong vào các vị trí cần thiết liên quan đến hoạt động của đồng hồ công tơ tổng và tem mã vạch dán trên các cột đo xăng dầu.

- Cung cấp cho đoàn dán tem, đoàn ghi nhận chỉ số định kỳ, đột xuất, đoàn kiểm tra, thanh tra các tài liệu, số liệu cần thiết để phục vụ cho công tác quản lý thuế theo quy định.

- Các cửa hàng kinh doanh xăng, dầu phải có trách nhiệm bảo quản tem niêm phong đang dán trên đồng hồ công tơ tổng và tem mã vạch dán trên các cột đo xăng dầu theo quy định của các cơ quan có thẩm quyền. Nếu tự ý bóc dỡ, làm hỏng tem niêm phong sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành.

- Trường hợp cột đo xăng dầu bị hư hỏng phải sửa chữa, thay thế, bảo hành các chi tiết, bộ phận, chức năng liên quan đến đồng hồ tổng đã được niêm phong thì doanh nghiệp, cửa hàng kinh doanh xăng dầu phải kịp thời thực hiện đúng quy định tại Khoản 6, Điều 6, Thông tư số 15/2015/TT-BKHN ngày 25 tháng 8 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, đồng thời có văn bản báo gửi đến Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thành phố Hồ Chí Minh và cơ quan thuế tại địa bàn trực tiếp để giải quyết, xác nhận chỉ số công tơ tại thời điểm đó và dán lại tem, niêm phong sau khi hoàn thành sửa chữa, thay thế, bảo hành.

Trường hợp ngoài giờ hành chính, các cửa hàng xăng dầu nếu có các cột đo bị hư hỏng phải sửa chữa, thay thế, bảo hành các chi tiết, bộ phận, chức năng liên quan đến đồng hồ tổng thì các cửa hàng cung cấp trung thực chỉ số công tơ, hình ảnh xác thực và cung cấp cho cơ quan thuế.

Thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Luật Kế toán và các quy định của Nhà nước về kinh doanh xăng dầu; khi bán xăng, dầu phải xuất đầy đủ hóa đơn theo quy định cho người mua. Thực hiện nghiêm túc việc kê khai thuế, nộp thuế liên quan đến hoạt động kinh doanh xăng dầu theo quy định của pháp luật.

2.4. Xác định trách nhiệm của cơ quan tham gia đề án

- Không gây phiền hà và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, phải dễ thực hiện, dễ kiểm tra và có hiệu quả cao trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh nói chung và quản lý thuế đối với hoạt động này nói riêng.

- Công khai tên cơ quan, tên công chức, số điện thoại để liên lạc.

- Phải giải quyết kịp thời trong thời hạn 03 ngày làm việc (*theo điểm b Khoản 6 Điều 6 Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN*) khi nhận được thông tin có sự cố như tem niêm phong bị rách, hư hỏng phải sửa chữa, thay thế, bảo hành các chi tiết, bộ phận, chức năng liên quan đến đồng hồ tổng của các cửa hàng kinh doanh để tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động kinh doanh thuận lợi.

- Cơ quan thuế các cấp phối hợp với các cơ quan chức năng thường xuyên kiểm tra tem niêm phong công tơ tổng đối với tất cả cột đo xăng, dầu; xử lý đối với các trường hợp có tác động chủ quan của các cửa hàng kinh doanh làm ảnh hưởng đến các chỉ số công tơ tổng dẫn đến sai lệch số lượng xăng, dầu tiêu thụ trong kỳ.

VI. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI

1. Cục Thuế thành phố

- Đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố thành lập Tổ chỉ đạo công tác triển khai dán tem niêm phong đồng hồ công tơ tổng và tem mã vạch các cột đo xăng dầu (gọi tắt là Tổ công tác) với thành phần gồm: Cục trưởng Cục Thuế làm Tổ trưởng, đại diện lãnh đạo các Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ làm Tổ phó, đại diện lãnh đạo Chi cục Quản lý thị trường, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và lãnh đạo Phòng Kiểm tra - Cục Thuế làm Tổ viên và một cán bộ Cục Thuế thành phố làm thư ký.

- Quyết định thành lập các Tổ kiểm tra liên ngành gồm công chức Cục Thuế, Sở Công Thương và Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức dán tem niêm phong công tơ tổng và tem mã vạch dán trên các cột đo xăng dầu.

- Phát hành và quản lý tem dán niêm phong theo quy định.

- Chủ trì cùng Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai và thông báo cho doanh nghiệp biết bằng văn bản việc thực hiện dán tem trước ít nhất 05 ngày để doanh nghiệp chuẩn bị và cử người có thẩm quyền để làm việc.

- Cùng với Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ ghi nhận số liệu trên

đồng hồ công tơ tổng trước khi dán tem và dán tem đồng hồ công tơ tổng và các bộ phận có liên quan đến đồng hồ công tơ tổng.

- Sau khi hoàn thành việc dán tem theo định kỳ, đột xuất Cục Thuế thành phố thực hiện việc ghi nhận chỉ số, đồng thời kiểm tra các vị trí dán tem. Trường hợp phát hiện các cửa hàng kinh doanh xăng dầu có hành vi vi phạm về bảo quản tem đã dán, Cục Thuế có trách nhiệm lập biên bản, thông báo chuyển cho Sở Khoa học và Công nghệ để xử lý theo đúng quy định.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện chỉ đạo, hướng dẫn Chi cục Thuế các quận huyện tham gia thực hiện việc quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu thông qua việc dán tem các đồng hồ công tơ tổng và tem mã vạch dán trên các cột đo xăng dầu trên các phương tiện đo xăng dầu của các cửa hàng kinh doanh xăng, dầu trên địa bàn.

- Phối hợp với các ngành liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến những nội dung cơ bản của Đề án gắn với nội dung chính sách, pháp luật thuế tại các hội nghị triển khai chính sách, pháp luật thuế, hội nghị đối thoại về thuế.

- Định kỳ ba (03) tháng cùng với Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Công Thương hợp đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Trước khi dán tem đồng hồ công tơ tổng và tem mã vạch dán trên các cột đo xăng dầu, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có trách nhiệm xác định các cột đo xăng dầu đã được kiểm định, có đầy đủ tem, dấu, giấy chứng nhận kiểm định và còn hiệu lực theo quy định. Nếu công tơ tổng (kiểu cơ khí, kiểu cơ điện) của cột đo xăng dầu không còn hoạt động thì Tổ kiểm tra liên ngành yêu cầu cơ sở, doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu tiến hành sửa chữa, khắc phục theo thời gian quy định và báo cáo Tổ kiểm tra liên ngành. Tổ kiểm tra liên ngành sẽ tiến hành thực hiện việc dán tem niêm phong.

- Cùng với Cục Thuế thành phố, Sở Công Thương tập huấn cho các công chức tham gia tổ kiểm tra liên ngành về vị trí và các bộ phận liên quan đến đồng hồ công tơ tổng, cách thức dán tem.

- Sở Khoa học và Công nghệ (Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) chịu trách nhiệm xác định vị trí dán tem. Cùng với Cục Thuế thành phố và Sở Công Thương (Chi cục Quản lý thị trường) ghi nhận số liệu trên đồng hồ công tơ tổng trước khi dán tem và dán tem đồng hồ công tơ tổng, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh

vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm hàng hóa.

- Tham gia việc kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với các cột đo xăng dầu có dán tem theo đề nghị của Cục Thuế thành phố.

3. Sở Công Thương

- Có văn bản yêu cầu các doanh nghiệp cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên địa bàn thành phố thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành, đồng thời yêu cầu từng doanh nghiệp có bản cam kết chấp hành và chịu trách nhiệm nếu để xảy ra sai sót, vi phạm.

- Xác định và lập danh sách chi tiết các doanh nghiệp và số cửa hàng bán lẻ xăng dầu trực thuộc đã được cấp chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu trên địa bàn thành phố, để dự kiến thời gian, nhân lực, vật lực của đơn vị khi tham gia các Tổ kiểm tra công tác dán tem niêm phong. Gửi cho Cục Thuế thành phố để cùng phối hợp thực hiện.

- Phối hợp cử công chức tham gia các tổ kiểm tra liên ngành do Cục Thuế thành phố quyết định thành lập thực hiện niêm phong bằng phương pháp dán tem đồng hồ công tơ tổng và tem mã vạch dán trên các cột đo xăng dầu. Cùng với Cục Thuế thành phố và Sở Khoa học và Công nghệ (Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) ghi nhận số liệu trên đồng hồ công tơ tổng trước khi dán tem và dán tem đồng hồ công tơ tổng.

- Thông báo cho Cục Thuế thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ về các doanh nghiệp kinh doanh xăng, dầu mới thành lập đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu hoặc ngưng hoạt động.

4. Sở Tài chính

- Đề xuất và tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, cấp kinh phí thực hiện đề án trên cơ sở dự toán Cục Thuế thành phố xây dựng.

- Thông báo về giá cả thị trường của một số sản phẩm xăng dầu theo từng thời điểm để cơ quan thuế tham khảo, xác định giá giao dịch thông thường làm căn cứ ấn định giá bán, giá mua đối với các cơ sở kinh doanh khai thuế không trung thực, đầy đủ.

5. Ủy ban nhân dân các quận, huyện

Phối hợp xử lý kịp thời các tình huống theo chức năng trong quá trình tổ chức

thực hiện dán niêm phong tại các cửa hàng kinh doanh xăng dầu.

VII. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tổ chức tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện truyền thông đại chúng để nhân dân, doanh nghiệp và nhất là các cửa hàng kinh doanh đang hoạt động kinh doanh xăng, dầu trên địa bàn toàn thành phố biết và thực hiện.

2. Đẩy mạnh dịch vụ công hỗ trợ người nộp thuế qua điện thoại, kịp thời giải đáp các vướng mắc theo yêu cầu của các cửa hàng kinh doanh; duy trì và phát huy tính hiệu quả của “đường dây nóng” để người dân phản ánh giúp cơ quan thuế thực hiện quản lý thuế ngày càng hiệu quả hơn.

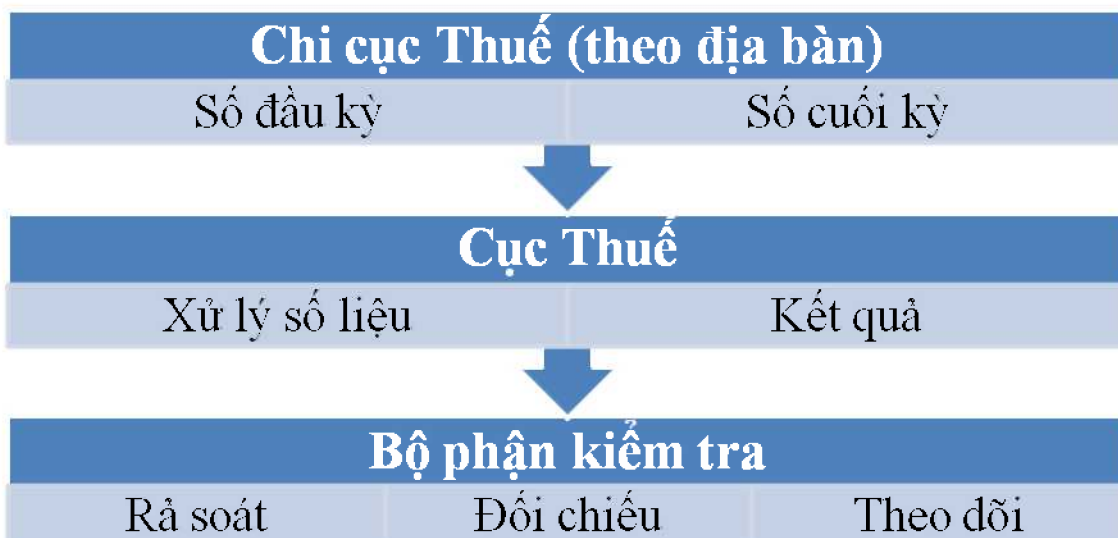
3. Xây dựng Hệ thống quản lý thuế trên lĩnh vực kinh doanh xăng dầu.

Để xử lý số liệu về chỉ số xăng dầu đầu kỳ và cuối kỳ sau khi bộ phận ghi nhận tại các cột bơm xăng dầu, Cục Thuế thành phố sẽ xây dựng *Hệ thống quản lý thuế trên lĩnh vực kinh doanh xăng dầu*.

Hệ thống quản lý thuế trên lĩnh vực kinh doanh xăng dầu được xây dựng, kết nối giữa Văn phòng Cục và 24 Chi cục Thuế quận, huyện nhằm đảm bảo cho việc xử lý thông tin nhanh chóng và tự động tổng hợp thông tin của từng cột bơm, từng cửa hàng kinh doanh đến từng doanh nghiệp, đảm bảo số lượng chính xác, tránh sai lệch.

Các thông tin của cơ sở kinh doanh xăng dầu sẽ được xây dựng có tính kết nối giữa doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh xăng dầu - cửa hàng kinh doanh xăng dầu - cột đo: *Toàn bộ các thông tin sẽ được mã hóa tại từng cột bơm, từng cửa hàng kinh doanh, kết nối từng mã số thuế của các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh xăng dầu.*

Sơ đồ truyền thông tin:



- Theo định kỳ hàng quý, công chức thuế đầu mỗi tại Chi cục sẽ thực hiện cập nhật chỉ tiêu trên đồng hồ công tơ tổng của từng cột bơm vào Hệ thống. Hệ thống sẽ thực hiện truyền tin về máy chủ tại Văn phòng Cục và tự động tổng hợp số liệu theo từng doanh nghiệp - mã số thuế theo các chỉ tiêu: Tổng sản lượng bán ra, số thuế GTGT đầu ra phải kê khai, đây là các căn cứ để so sánh với số liệu kê khai trên tờ khai thuế của doanh nghiệp.

Bộ phận kiểm tra các doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm thực hiện phân tích, đề xuất biện pháp xử lý kịp thời đối với các vi phạm.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện đề án, nếu có các quy định mới liên quan đến quản lý, thu thuế đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu, Cục Thuế thành phố có trách nhiệm tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng